

TCT Công ty Điện lực Dầu khí Việt NAM – CTCP – HSX: POW

KHUYẾN NGHỊ: MUA

Giá mục tiêu: 17,100

Upside: +22%

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH Q1/2026**Doanh thu đạt 12,327 tỷ VND (+51% YoY, +41% QoQ), LNST-CĐTS đạt 1,200 tỷ VND (+169% YoY, +148% QoQ).**

- Xét theo nhà máy: sản lượng điện tiêu thụ đạt 5.6 tỷ kwh, tăng +33% YoY.
 - Nhà máy thủy điện HNA tăng +43% YoY nhờ tình hình thủy văn thuận lợi.
 - NT1 và NT2 tăng lần lượt +154% YoY, +59% YoY nhờ nguồn cung khí được đảm bảo.
 - NT3, 4 bắt đầu ghi nhận kết quả trong Q1/2026 với 874 triệu kwh (chiếm 15% sản lượng điện của tập đoàn).
- Xét theo hợp đồng: Tổng sản lượng hợp đồng (Qc) trên tổng sản lượng điện phát đạt 91% (cùng kỳ đạt 87%). Đặc biệt nhà máy NT3 và NT4 có sản lượng Qc/sản lượng phát đạt 161%.

Biên lợi nhuận gộp đạt 14.6%, tăng 2.6 điểm % so với cùng kỳ nhờ khấu hao ở nhà máy NT2 giảm từ 175 tỷ VND về 40 tỷ VND và tỷ lệ Qc/sản lượng phát đạt 91% tăng 4 điểm % so với cùng kỳ.

Lỗ tài chính ròng đạt -159 tỷ VND chủ yếu do dư nợ ngân hàng tăng để tài trợ dự án NT3 và 4 (cùng kỳ ghi nhận lợi nhuận ròng tài chính 33 tỷ VND, phần lớn đến từ hoàn nhập lỗ tỷ giá của khoản nợ ngoại tệ trên).

Tỷ lệ SGA/doanh thu đạt 1.9%, thấp hơn 2.2 điểm % so với cùng kỳ. Trong Q1/2025, công ty thực hiện trích lập 123 tỷ VND liên quan đến khoản phải thu bảo hiểm nhà máy Vũng Áng 1. Đến Q1/2026, công ty chỉ thực hiện trích lập 60 tỷ VND liên quan đến chậm trả của EVN (các khoản này sẽ sớm hoàn nhập khi tài chính của EVN cải thiện hơn).

ĐÁNH GIÁ CỦA BSC**Doanh thu và LNST-CĐTS của POW trong Q1/2026 hoàn thành lần lượt 21% và 55% dự phóng cả năm 2026 của BSC, do:**

- Sản lượng điện Q1 của NT2 VÀ NT1 vượt dự phóng lần lượt 17% và 200% nhờ nguồn cung khí ổn định với mỏ khí mới Sư Tử Trắng 2B.
- Mặc dù sản lượng điện Q1 của nhà máy NT3 và 4 chỉ đạt 8% dự phóng cả năm nhưng lại có mức lợi nhuận khá tốt nhờ tỷ lệ Qc/sản lượng phát cao bất thường, đạt 161%.

Chúng tôi sẽ điều chỉnh tăng dự phóng lợi nhuận năm 2026, 2027 của POW trong báo cáo này.

| KQKD | 2024 | 2025 | 2026F | 2027F |
|-----------------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh thu thuần | 30,306 | 34,151 | 50,841 | 55,430 |
| Lợi nhuận gộp | 1,998 | 4,327 | 5,664 | 5,694 |
| LNST-CĐTS | 1,112 | 2,341 | 2,697 | 2,857 |
| EPS | 475 | 840 | 879 | 931 |

BÁO CÁO CẬP NHẬT

14/05/2026 – HSX: POW

Trung tâm phân tích BSC

Nguyễn Dân Trường

(Chuyên viên phân tích)

truongnd@bsc.com.vn**Thông tin doanh nghiệp**

| | |
|--------------------------|---------|
| Giá hiện tại (VND): | 14,000 |
| Cổ phiếu LH (Triệu): | 3,067.8 |
| Vốn hoá (Tỷ VND): | 42,949 |
| Thanh khoản 30n (Triệu): | 13.13 |
| Sở hữu nước ngoài: | 4.38% |

Mở tài khoản

TRIỂN VỌNG KINH DOANH 2026 - 2027

1. Chính phủ đã ban hành Nghị Quyết 70, trong đó nêu rõ ưu tiên huy động các nhà máy nhiệt điện khí (gồm cả sử dụng LNG nhập khẩu và khí nội địa). Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã có đề xuất nâng tỷ lệ Qc tối thiểu cho nhà máy điện khí LNG từ 65% lên 75%. Hiện tại, chúng tôi đang áp dụng tỷ lệ Qc của NT3 và NT4 là 65%, khi có thông tin chính thức, thông số sẽ được nâng lên và tạo dư địa tăng định giá đối với công ty.
2. Nhà máy NT1 và NT2 được đảm bảo về nguồn cung khí trong 2026 - 2027 nhờ PV GAS đã khai thác thêm mỏ khí mới ở Sư Tử Trắng 2B.
3. Ngoài ra, theo NOAA, xác suất xảy ra hiện tượng El nino dự báo tăng đáng kể từ tháng 6/2026 và kéo dài đến hết năm sau, nhóm nhiệt điện sẽ hưởng lợi đáng kể từ xu hướng thời tiết này.

Do đó, BSC kỳ vọng sản lượng điện của POW trong năm 2026 - 2027 tiếp tục tăng 19% và 9%.

THÔNG TIN KHÁC

1. Công ty đã trích khoảng 780 tỷ VND trong năm 2025 dự phòng các chi phí sửa chữa ở nhà máy Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1 và Vũng Áng 1 (hoạt động sửa chữa thường niên), giúp tạo nền so sánh thấp và hỗ trợ lợi nhuận kế toán trong năm 2026.
2. Từ Q2/2024 đến Q1/2026, POW đẩy mạnh trích lập dự phòng nợ xấu khoản phải thu EVN khoảng 50-60 tỷ VND/quý và đến cuối Q1/2026 đã trích tổng cộng 580 tỷ VND. Đây là khoảng lợi nhuận tiềm năng hoàn nhập khi tình hình tài chính của EVN được cải thiện.
3. Công ty có đủ lượng LNG dùng hết tháng 5 và đang đàm phán mua thêm cho giai đoạn từ tháng 6 - 12/2026. Giá LNG đang ở mức cao khoảng 16 USD/MMBTU (ngày 11/05/2026) - cao hơn 4-6 USD so với thông thường, tuy nhiên, công ty đã ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN cho phép chuyển ngang giá nhiên liệu đầu vào, do đó, NT3 và NT4 sẽ chuyển các rủi ro sang cho khách hàng. Hai nhà máy này đã ký kết sản lượng Qc tối thiểu 65% và chúng tôi được biết sản lượng Qc được giao trong 9 tháng còn lại của năm sẽ cao hơn quý 1, đặc biệt quý 2 có mức cao nhất.

RỦI RO: 1) thiếu khí đột ngột sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nhà máy, 2) thời tiết có thể thay đổi bất thường dẫn đến kế hoạch huy động không thực hiện như dự kiến.

Bảng tóm tắt dự phóng POW

| | Đơn vị | 2025 | 2026F | %YoY | 2027F | %YoY | Chú thích |
|-----------------------|-----------|--------|--------|------|--------|------|---|
| Sản lượng điện | Triệu kwh | 18,510 | 21,984 | 19% | 24,033 | 9% | |
| Tài chính | | | | | | | |
| Tổng doanh thu | Tỷ VND | 37,398 | 50,841 | 36% | 55,430 | 9% | |
| Lợi nhuận gộp | Tỷ VND | 4,327 | 5,664 | 31% | 5,694 | 1% | |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ VND | 2,341 | 2,697 | 15% | 2,857 | 6% | Lợi nhuận năm 2026 điều chỉnh tăng 24% so với báo cáo trước do được bổ sung nguồn cung khí. |

Nguồn: POW, BSC Research

BÁO CÁO CẬP NHẬT

14/05/2026 – HSX: POW

| | |
|----------------------|---------------|
| KHUYẾN NGHỊ: | MUA |
| Giá mục tiêu: | 17,100 |
| Upside: | +22% |

Thông tin doanh nghiệp

| | |
|--------------------------|---------|
| Giá hiện tại (VND): | 14,000 |
| Cổ phiếu LH (Triệu): | 3,067.8 |
| Vốn hoá (Tỷ VND): | 42,949 |
| Thanh khoản 30n (Triệu): | 13.13 |
| Sở hữu nước ngoài: | 4.38% |

DỰ PHÓNG NĂM 2026 – 2027 (chi tiết [tại đây](#))

Năm 2026: doanh thu và LNST-CĐTTS lần lượt đạt 50,841 tỷ VND (+36% YoY), 2,697 tỷ VND (+15% YoY).

Năm 2027: doanh thu và LNST-CĐTTS lần lượt đạt 55,430 tỷ VND (+9% YoY), 2,912 tỷ VND (+8% YoY).

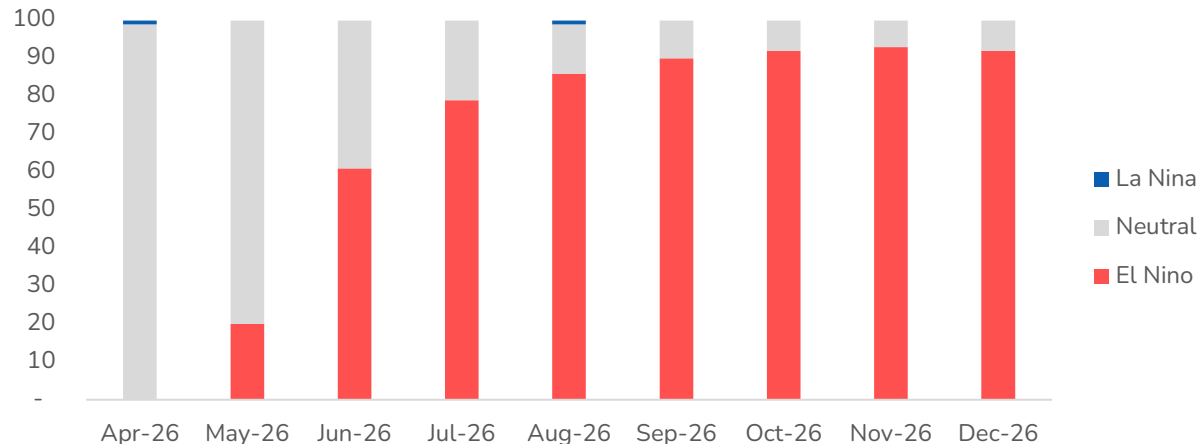
Chúng tôi điều chỉnh giảm -19% doanh thu nhưng tăng 24% lợi nhuận năm 2026 so với báo cáo trước ([link](#)):

Sản lượng điện nhà máy NT1 và NT2 tăng lần lượt 144% và 16% (tăng 1 tỷ kwh) so với báo cáo trước nhờ có đủ nguồn cung khí từ mỏ Sư Tử Trắng 2B nhưng sản lượng điện của NT3 và NT4 điều chỉnh giảm 60% từ 10.4 tỷ kwh về 4.2 tỷ kwh (giảm 6.3 tỷ kwh) do giá LNG tăng nhanh hơn các loại hình năng lượng khác. Điều này dẫn đến doanh thu năm 2026 được điều chỉnh giảm -19% so với báo cáo trước.

Tuy nhiên, lợi nhuận ròng được điều chỉnh tăng 24% do:

- Nhà máy NT1 và NT2 tăng sản lượng như đã đề cập ở trên.
- Tổng mức đầu tư của NT3 và NT4 dự kiến đạt khoảng 25,000 tỷ VND, trong khi BSC kỳ vọng 28,500 tỷ VND. Yếu tố này là cơ sở để chúng tôi điều chỉnh:
 - Doanh thu tài chính tăng từ 645 tỷ VND lên 1,160 tỷ VND (+80%) do công ty tăng tiền gửi ngân hàng.
 - Chi phí tài chính giảm từ 2,948 tỷ VND xuống mức 1,967 tỷ VND (-33%).
 - Chi phí khấu hao cả năm giảm 150 tỷ VND.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp được điều chỉnh giảm từ 1,687 tỷ VND xuống mức 1,172 tỷ VND (-31%) nhờ kết quả đạt được trong Q1/2026 tốt hơn dự báo, cho thấy công ty đang cải thiện hiệu quả hoạt động.
- Ngoài ra, chúng tôi ước tính nhà máy NT3 và NT4 được đền bù khoảng 400 tỷ VND trong quý 1 do không được huy động như kế hoạch được giao. Dự phóng khoản lỗ năm 2026 ở NT3 và NT4 giảm từ -125 tỷ VND về mức -98 tỷ VND.

Dự báo El nino sẽ chiếm chủ đạo trong 9 tháng cuối năm 2026 và đầu năm 2027



Nguồn: NOAA

BÁO CÁO CẬP NHẬT

14/05/2026 – HSX: POW

| | |
|----------------------|---------------|
| KHUYẾN NGHỊ: | MUA |
| Giá mục tiêu: | 17,100 |
| Upside: | +22% |

Thông tin doanh nghiệp

| | |
|---------------------------------|----------------|
| Giá hiện tại (VND): | 14,000 |
| Cổ phiếu LH (Triệu): | 3,067.8 |
| Vốn hoá (Tỷ VND): | 42,949 |
| Thanh khoản 30n (Triệu): | 13.13 |
| Sở hữu nước ngoài: | 4.38% |

ĐỊNH GIÁ POW

BSC điều chỉnh giá mục tiêu tăng 20% từ mức 14,300 VND/CP (đã điều chỉnh số lượng cổ phiếu) lên mức 17,100 VND/CP dựa trên hai phương pháp định giá EV/EBITDA và FCFF với trọng số phân bổ 70%/30%. Ở báo cáo này, chúng tôi đã thay đổi phương pháp định giá từ FCFF sang kết hợp EV/EBITDA và FCFF để phản ánh chính xác hơn tiềm năng và rủi ro của nhà máy NT3 và NT4 trong quá trình định giá.

Đối với phương pháp FCFF, định giá tăng từ 14,300 VND/CP lên mức 17,100 VND/CP nhờ điều chỉnh:

- Trong giai đoạn 2026 -2029, sản lượng điện của NT1 tăng từ quanh mức 400 triệu kwh lên mức 1 tỷ kwh. NT2 sản lượng điện từ quanh mức 3,2 tỷ kwh lên mức 3,8 tỷ kwh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu giảm từ mức 2.7% về mức trung bình 2.4% trong giai đoạn 2026 - 2029.

Dòng tiền FCFF của công ty

| | 2026 | 2027 | 2028 | ... | 2035 | 2036 |
|--------------------------------|--------------|--------------|--------------|-----|--------------|--------------|
| EBIT | 4,342 | 4,224 | 5,312 | ... | 5,250 | 5,231 |
| Khấu hao | 3,953 | 3,852 | 3,755 | ... | 3,144 | 3,069 |
| Thuế | 540 | 493 | 621 | ... | 660 | 677 |
| Capex | (137) | (149) | (165) | ... | (215) | (221) |
| Thay đổi vốn lưu động | 2,730 | 515 | 940 | ... | 197 | 204 |
| FCFF | 4,888 | 6,919 | 7,341 | ... | 7,323 | 7,197 |
| Giá trị hiện tại của dòng tiền | 4,888 | 6,186 | 5,867 | ... | 2,671 | 2,347 |

Giả định

| | |
|---------------------|--------------|
| Lãi suất phi rủi ro | 5.0% |
| Beta | 1.2 |
| Phần bù rủi ro | 10.0% |
| Chi phí vốn chủ | 16.1% |
| Chi phí lãi vay | 7.2% |
| Tỷ lệ vốn chủ | 56% |
| Tỷ lệ nợ vay | 44% |
| WACC | 11.9% |
| Terminal Value | 0.25% |

Định giá theo phương pháp FCFF

| | |
|---------------------------------------|---------------|
| Giá trị cuối | 60,569 |
| Giá trị hiện tại của giá trị cuối | 22,033 |
| Giá trị doanh nghiệp | 65,851 |
| (+) tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn | 23,400 |
| (-) nợ vay | 33,420 |
| Lợi ích CEĐ thiểu số | 3,101 |
| Giá trị vốn chủ | 53,530 |
| Số lượng cổ phiếu (triệu) | 3,067.7 |
| Giá cổ phiếu (vnd/cp) | 17,100 |

BÁO CÁO CẬP NHẬT

14/05/2026 – HSX: POW

| | |
|---------------------|------------|
| KHUYẾN NGHỊ: | MUA |
| Giá mục tiêu: | 17,100 |
| Upside: | +22% |

Thông tin doanh nghiệp

| | |
|--------------------------|---------|
| Giá hiện tại (VND): | 14,000 |
| Cổ phiếu LH (Triệu): | 3,067.8 |
| Vốn hoá (Tỷ VND): | 42,949 |
| Thanh khoản 30n (Triệu): | 13.13 |
| Sở hữu nước ngoài: | 4.38% |

ĐỊNH GIÁ POW

Bổ sung phương pháp định giá EV/EBITDA:

- Định giá các nhà máy cũ (NT1, NT2, Cà Mau 1&2, Vũng Áng 1, Hòa Na, Đăkđrinh) với EV/EBITDA mục tiêu 7.6x – tương đương mức trung bình giai đoạn 2021–2025.
- Định giá nhà máy mới NT3 và NT4 với bội số EV/EBITDA mục tiêu 6.5x - chiết khấu 15% so với các nhà máy cũ 7.6x do **hai nhà máy này mới đi vào hoạt động, chúng tôi chưa có nhiều thông tin quá khứ. Bên cạnh đó, định giá 2 nhà máy này có thể biến động nhiều trong thời gian tới.**

Định giá theo EV/EBITDA

POW (loại bỏ NT3, NT4)

| | |
|---|---------------|
| EV/EBITDA mục tiêu (trung bình 2021-2025) | 7.6 |
| EBITDA 2026 | 6,426 |
| EV | 48,860 |
| Tiền mặt Q1/2026 | 21,060 |
| Nợ vay Q1/2026 | 13,763 |
| CĐTS | 3,196 |
| (1) Vốn hóa mục tiêu | 52,961 |

NT3, NT4

| | |
|--|--------------|
| EV/EBITDA mục tiêu (chiết khấu 15% so với POW) | 6.5 |
| EBITDA trung bình 2026 - 2027 | 2,574 |
| EV | 16,635 |
| Tiền mặt Q1/2026 | 2,340 |
| Nợ vay Q1/2026 | 19,657 |
| CĐTS | - |
| (2) Vốn hóa mục tiêu | (682) |

| | |
|------------------------------------|---------------|
| Tổng vốn hóa mục tiêu (1+2) | 52,279 |
| Số lượng cổ phiếu (triệu) | 3,067.8 |
| Giá mục tiêu | 17,000 |

Bảng tổng hợp định giá POW

| Phương pháp | Định giá | Tỷ trọng | Định giá tổng hợp |
|------------------------------|----------|----------|-------------------|
| FCFF | 17,100 | 30% | 5,200 |
| EV/EBITDA | 17,000 | 70% | 11,900 |
| Giá mục tiêu (VND/CP) | | | 17,100 |
| Giá hiện tại | | | 14,000 |
| Upside | | | 22% |

BÁO CÁO CẬP NHẬT

14/05/2026 – HSX: POW

| | |
|---------------------|------------|
| KHUYẾN NGHỊ: | MUA |
| Giá mục tiêu: | 17,100 |
| Upside: | +22% |

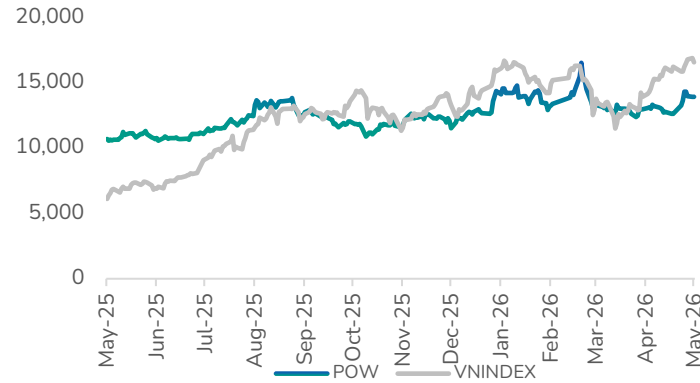
Thông tin doanh nghiệp

| | |
|--------------------------|---------|
| Giá hiện tại (VND): | 14,000 |
| Cổ phiếu LH (Triệu): | 3,067.8 |
| Vốn hoá (Tỷ VND): | 42,949 |
| Thanh khoản 30n (Triệu): | 13.13 |
| Sở hữu nước ngoài: | 4.38% |

KHUYẾN NGHỊ CỦA BSC

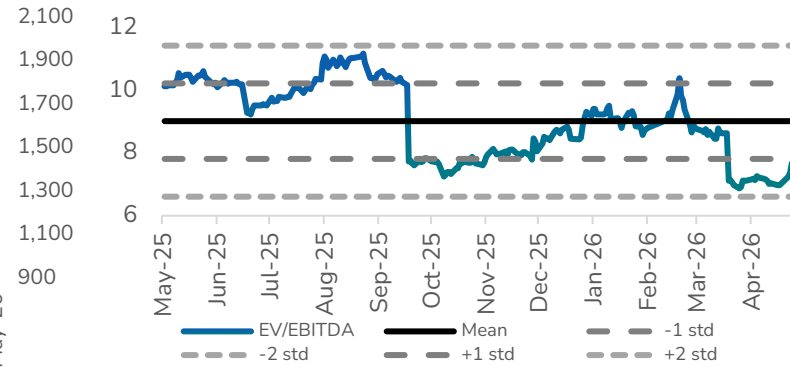
Cổ phiếu POW đã tăng 11% kể từ [báo cáo](#) khuyến nghị **MUA** gần nhất của BSC. Ở báo cáo này, BSC điều chỉnh tăng 20% giá mục tiêu so với báo cáo trước và vẫn duy trì khuyến nghị **MUA** cổ phiếu POW với giá mục tiêu năm 2026 đạt 17,100 VND/CP, upside 22% so với giá tham chiếu ngày 14/05/2026, dựa trên phương pháp định giá kết hợp chiết khấu dòng tiền EV/EBITDA và FCFE. Dự phóng LNST-CĐTS năm 2026 đạt 2,697 tỷ VND (+15% YoY), tương đương P/E forward 2026 là 15.9x, chiết khấu 20% so với trung bình giai đoạn 2021 – 2025.

Hình 1: Giá cổ phiếu POW và VnIndex
VND/cổ phiếu



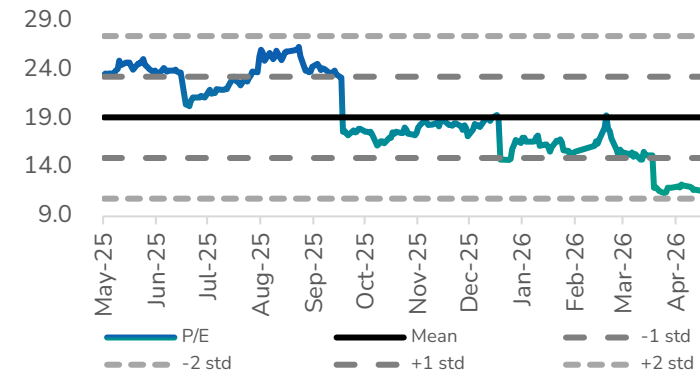
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2: Định giá EV/EBITDA của POW
Lần



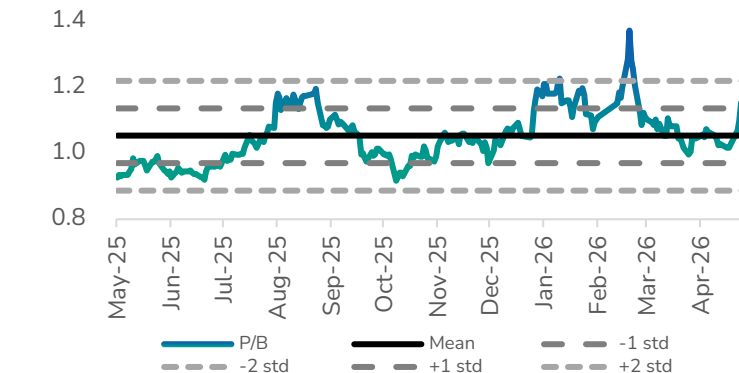
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3: Định giá P/E của POW
Lần



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4: Định giá P/B của POW
Lần



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

BÁO CÁO CẬP NHẬT

14/05/2026 – HSX: POW

| | |
|----------------------|---------------|
| KHUYẾN NGHỊ: | MUA |
| Giá mục tiêu: | 17,100 |
| Upside: | +22% |

Thông tin doanh nghiệp

| | |
|--------------------------|---------|
| Giá hiện tại (VND): | 14,000 |
| Cổ phiếu LH (Triệu): | 3,067.8 |
| Vốn hoá (Tỷ VND): | 42,949 |
| Thanh khoản 30n (Triệu): | 13.13 |
| Sở hữu nước ngoài: | 4.38% |

BẢNG TÓM TẮT KQKD QUÝ 1/2026

| (Tỷ VND) | Q1.2025 | Q1.2026 | % YoY | % QoQ | 2026F cũ | % Q1.2026 / 2026F cũ |
|----------------------------|--------------|---------------|-------------|-------------|---------------|----------------------|
| Sản lượng điện (triệu kwh) | 4,245 | 5,649 | 33% | 27% | 27,443 | 21% |
| Giá trung bình (VND/kwh) | 1,920 | 2,182 | 14% | 11% | 2,273 | 96% |
| Doanh thu thuần | 8,150 | 12,327 | 51% | 41% | 62,691 | 20% |
| Lãi gộp | 816 | 1,804 | 121% | 71% | 6,763 | 27% |
| Doanh thu tài chính | 208 | 299 | 44% | -26% | 645 | 46% |
| Chi phí tài chính | 176 | 458 | 161% | 165% | 2,948 | 16% |
| -Lãi vay | 119 | 414 | 247% | 68% | 2,514 | 16% |
| Chi phí QLDN | 338 | 236 | -30% | -55% | 1,687 | 14% |
| Lãi từ HĐKD | 511 | 1,409 | 176% | 87% | 2,774 | 51% |
| LNTT | 510 | 1,406 | 175% | 88% | 3,041 | 46% |
| LNST | 472 | 1,299 | 175% | 89% | 2,551 | 51% |
| CĐTS | 27 | 101 | 272% | -50% | 382 | 26% |
| LNST_CĐTS | 445 | 1,198 | 169% | 148% | 2,169 | 55% |

| | | | Thay đổi | Thay đổi | |
|---------------------|-------|-------|----------|----------|-------|
| Biên lợi nhuận gộp | 10.0% | 14.6% | 4.6% | 2.6% | 10.5% |
| Tỷ lệ SGA/Doanh thu | 4.1% | 1.9% | -2.2% | -4.1% | 2.7% |

Nguồn: POW, BSC Research

BÁO CÁO CẬP NHẬT

14/05/2026 – HSX: POW

KHUYẾN NGHỊ: MUA
Giá mục tiêu: 17,100
Upside: +22%

Thông tin doanh nghiệp

Giá hiện tại (VND): 14,000
Cổ phiếu LH (Triệu): 3,067.8
Vốn hoá (Tỷ VND): 42,949
Thanh khoản 30n (Triệu): 13.13
Sở hữu nước ngoài: 4.38%

BẢNG TÓM TẮT DỰ PHÓNG KQKD 2026 - 2027

| (Tỷ VND) | Q1.2026 | % YoY | 2026F mới | % YoY | 2027F | % YoY | 2026F cũ | % 2026F mới/cũ |
|----------------------------|---------------|-------------|---------------|------------|---------------|-----------|---------------|----------------|
| Sản lượng điện (triệu kwh) | 5,649 | 33% | 21,984 | 19% | 24,033 | 9% | 27,443 | -20% |
| Giá trung bình (VND/kwh) | 2,182 | 14% | 2,304 | 15% | 2,295 | 0% | 2,273 | 1% |
| Doanh thu thuần | 12,327 | 51% | 50,841 | 36% | 55,430 | 9% | 62,691 | -19% |
| Lãi gộp | 1,804 | 121% | 5,664 | 31% | 5,694 | 1% | 6,763 | -16% |
| Doanh thu tài chính | 299 | 44% | 1,160 | 11% | 1,419 | 22% | 645 | 80% |
| Chi phí tài chính | 458 | 161% | 1,967 | 89% | 1,932 | -2% | 2,948 | -33% |
| -Lãi vay | 414 | 247% | 1,649 | 151% | 1,600 | -3% | 2,514 | -34% |
| Chi phí QLDN | 236 | -30% | 1,172 | -6% | 1,375 | 17% | 1,687 | -31% |
| Lãi từ HĐKD | 1,409 | 176% | 3,685 | 20% | 3,806 | 3% | 2,774 | 33% |
| LNTT | 1,406 | 175% | 3,700 | 20% | 3,821 | 3% | 3,041 | 22% |
| LNST | 1,299 | 175% | 3,161 | 10% | 3,342 | 6% | 2,551 | 24% |
| CĐTS | 101 | 272% | 463 | -12% | 485 | 5% | 382 | 21% |
| LNST_CĐTS | 1,198 | 169% | 2,697 | 15% | 2,857 | 6% | 2,169 | 24% |
| | | Thay đổi | | Thay đổi | | Thay đổi | | Thay đổi |
| Biên lợi nhuận gộp | 14.6% | 4.6% | 11.1% | -0.4% | 10.1% | -1.0% | 10.6% | 0.6% |
| Tỷ lệ SGA/Doanh thu | 1.9% | -2.2% | 2.3% | -1.0% | 2.5% | 0.2% | 2.7% | -0.4% |

Nguồn: POW, BSC Research

BÁO CÁO CẬP NHẬT

14/05/2026 – HSX: POW

KHUYẾN NGHỊ: MUA
Giá mục tiêu: 17,100
Upside: +22%

Thông tin doanh nghiệp

Giá hiện tại (VND): 14,000
Cổ phiếu LH (Triệu): 3,067.8
Vốn hoá (Tỷ VND): 42,949
Thanh khoản 30n (Triệu): 13.13
Sở hữu nước ngoài: 4.38%

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng mức sinh lời kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và giá đóng cửa ngày khuyến nghị của chứng khoán cộng với tỷ suất cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về khuyến nghị cụ thể như sau:

| Xếp hạng khuyến nghị | Định nghĩa |
|----------------------|---|
| MUA MẠNH | Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 30% trở lên |
| MUA | Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 15% đến 30% |
| NẮM GIỮ | Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ -10% đến 15% |
| BÁN | Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm thấp hơn -10% |

Thông tin liên hệ - Trung tâm phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

Quyền phụ trách Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Ví mô – Thị Trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Quyền trưởng nhóm Trung tâm PTNC

Ngành – Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Nhóm Ngân hàng, Tài chính

Đoàn Minh Trí

Chuyên viên phân tích

Tridm@bsc.com.vn

Nhóm Bất Động Sản, VLXD

Phạm Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhpq@bsc.com.vn

Lâm Việt

Chuyên viên phân tích cao cấp

Vietl@bsc.com.vn

Vũ Công Hoàng Duy

Chuyên viên phân tích

Duyvch@bsc.com.vn

Nhóm Dầu khí, Điện, Phân bón – Hoá chất

Lưu Thuỳ Linh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Linhlt2@bsc.com.vn

Nguyễn Dân Trường

Chuyên viên phân tích

Truongnd@bsc.com.vn

Nhóm Bán lẻ, Xuất khẩu, Logistics

Phạm Thị Minh Châu

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Chauptm@bsc.com.vn

Trần Lâm Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtl@bsc.com.vn

Trần Nguyên Tường Huy

Chuyên viên phân tích

Huytnt@bsc.com.vn

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, MUA chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

